

NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM RÚT RA TỪ LỊCH SỬ THƯ VIỆN ĐẠI HỌC HOA KỲ

TS. Nguyễn Huy Chương
Trung tâm TT-TV ĐHQG Hà Nội

7 bài học kinh nghiệm rút ra từ lịch sử thư viện đại học Mỹ.

Kể từ năm 1636 khi Thư viện Đại học Harvard được thành lập đến nay, ngành Thư viện Đại học Mỹ đã có lịch sử hơn 370 năm, trở thành hệ thống thư viện đại học to lớn và hiện đại nhất trên thế giới. Đó là một thành quả lịch sử đáng trân trọng. Bất kỳ quốc gia nào có ý đồ phát triển nền giáo dục đại học và hệ thống thư viện đại học của mình, không nhiều thì ít, đều có thể rút ra những kinh nghiệm bổ ích, những bài học có ý nghĩa sau khi nghiên cứu thành quả lịch sử này. Kinh nghiệm chắc chắn là nhiều nhưng lại tùy thuộc vào định hướng của người muốn tìm hiểu. Về phần mình, chúng tôi xin nêu lên những kinh nghiệm dưới đây, được coi như thu hoạch ban đầu, trong quá trình nghiên cứu về thư viện đại học Mỹ.

1. Kinh nghiệm đầu tiên là nhận thức của người Mỹ về tầm quan trọng của tri thức, tức là tầm quan trọng của sách và thư viện, đối với sự nghiệp giáo dục của một quốc gia cũng như sự phát triển của xã hội nói chung. Đây không phải là ưu điểm của riêng người Mỹ, rất nhiều dân tộc khác trên thế giới cũng nhận thức được vấn đề này. Nhưng, xét quy mô và chất lượng của hệ thống thư viện đại học Mỹ ngày nay, một kết quả lâu dài và liên tục cố gắng của dân tộc Mỹ, ít ra cũng phải thừa nhận rằng, người Mỹ là một trong những dân tộc quý

trọng sách, ham mê tri thức vào bậc nhất trên thế giới. Suy cho cùng, sức mạnh của con người bao giờ cũng là sức mạnh của hoạt động có trí tuệ. Đó là kinh nghiệm có tính phổ biến của mọi xã hội. Coi trọng tri thức, phát triển tri thức và biến nó thành tài sản chung của càng nhiều càng tốt những con người sống trong xã hội là một trong những con đường hiệu quả nhất đối với bất kỳ dân tộc nào. Những điều kiện và đặc trưng của xã hội Mỹ làm cho nhận thức này sớm được khẳng định, tạo thành động lực xã hội sâu rộng và bền vững cho sự phát triển giáo dục và của thư viện đại học. Người nhập cư vào Mỹ trong mọi thời kỳ đều sớm nhận ra rằng, chỉ có thể tồn tại và phát triển được trên vùng đất mới nếu có tri thức vượt trội. Tôn trọng, đề cao và khao khát tri thức, nhất là những tri thức tiên tiến, sớm trở thành một truyền thống đáng quý của người Mỹ. Từ những tử sách gia đình của các cư dân châu Âu đầu tiên đến đất Mỹ, các thư viện nối nhau xuất hiện cùng với các trường học, từ những cuộc ủng hộ, quyên góp sách, đến các chiến lược xây dựng mạng lưới thư viện rộng khắp trên toàn lãnh thổ,... Bất kỳ lúc nào, trường học nào, đều có thể nhận ra sự quan tâm của người Mỹ đối với sự nghiệp phát triển thư viện. Có thể coi thái độ này là một trong những tính cách Mỹ, một ưu điểm lớn

góp phần quan trọng vào sự phát triển của ngành giáo dục đại học Mỹ và sự phát triển của nước Mỹ nói chung.

2. Kinh nghiệm thứ hai là về dân chủ hóa, xã hội hóa sự nghiệp xây dựng và phát triển thư viện nói chung, thư viện đại học nói riêng. Nếu xét về quy mô và mức độ của đặc trưng này thì phải công nhận đây là một nét độc đáo trong lịch sử thư viện đại học Mỹ. Nếu như tinh thần tôn trọng và khao khát tri thức và sách không phải là ưu điểm của riêng người Mỹ (việc hiến tặng sách, quyên góp sách không phải chỉ ở Mỹ mới có) thì dân chủ hóa, xã hội hóa sự nghiệp thư viện một cách sâu sắc, rộng rãi, thường xuyên và bền bỉ như ở Mỹ chính là cái khó có nơi nào trên thế giới vượt qua được. Đặc trưng này của ngành thư viện đại học Mỹ gắn liền với lịch sử nền giáo dục đại học ở Mỹ, một nền giáo dục đại học mà các trường đại học đầu tiên đều là trường dân lập và tư thực, hoàn toàn không có vai trò của nhà nước. Các thư viện đại học đầu tiên, gắn liền với các trường đại học đầu tiên này dĩ nhiên cũng là kết quả đóng góp, biểu tặng, dù có thể rất nhỏ bé, của các cá nhân, các tổ chức xã hội hoặc tôn giáo, vào sự ra đời của các thư viện này. Xã hội hóa liên tục là nhân tố quan trọng hàng đầu trong lĩnh vực phát triển thư viện đại học Mỹ, nếu biết rằng, một nửa các trường đại học ở Mỹ không phải là trường công lập. Hơn nữa, những trường đại học lớn nhất và có uy tín nhất ở Mỹ cũng là trường tư, thư viện ở đó cũng thường có quy mô đồ sộ, chính là kết quả của phương thức xã hội hóa. Xã hội hóa luôn gắn liền với dân chủ hóa. Sự nghiệp phát triển thư viện nói chung, mỗi khía cạnh của sự nghiệp đó nói

riêng đều không dập khuôn, áp đặt, chờ đợi một cách thụ động. Trái lại, từ việc quản lý hành chính, quản lý chuyên môn, tìm kiếm các nguồn tài chính đến việc đổi mới và phát triển nghiệp vụ,... đều diễn ra một cách dân chủ. Mọi phương pháp, cung cách, quan niệm, chủ trương đều được tự do bộc lộ, cọ xát với nhau và bình đẳng trước phán xét của tính hiệu quả. Chính vì thế mà công việc trở nên rất năng động.

Các hiệp hội thư viện ở Mỹ khá nhiều, như ALA, ACRL, ARL, AALL,... trong đó, quan trọng nhất là ALA. Chúng là những tổ chức hoạt động theo cung cách dân chủ, là cầu nối giữa ngành thư viện với Chính phủ Mỹ và các cơ quan nhà nước, có thể coi là biểu tượng và sự phát triển cao độ đặc tính dân chủ và xã hội hóa của sự nghiệp thư viện đại học Mỹ. Vừa là những cơ quan ngôn luận dân chủ, vừa là cơ quan chỉ đạo nghiệp vụ và trực tiếp kiểm tra đôn đốc hoạt động ở cơ sở, các tổ chức này hoạt động thật sự, tạo nên sức mạnh phát triển to lớn của ngành nghề trên rất nhiều lĩnh vực như tài chính, công nghệ, nghiệp vụ, tiêu chuẩn hóa, liên thông, giới thiệu các tổ chức trong hệ thống thư viện đại học Mỹ với nhau và với các hệ thống thư viện đại học khác trên thế giới. Ít nhất là trong lĩnh vực thư viện đại học, không có tổ chức nào ở Mỹ được thiết lập ra để trang trí, chỉ có tính hình thức mà đều có tác dụng xã hội thiết thực, và nó cũng bị giải thể nếu cái thực chất ấy không còn.

3. Kinh nghiệm thứ ba là vai trò của Nhà nước trong sự nghiệp phát triển thư viện đại học Mỹ. Từ năm 1939 trở về trước, vai trò này chưa nổi bật, mặc dù các thư viện đại học, nhất là thư viện đại học công đã nhận

được sự hỗ trợ đáng kể về kinh phí và những đạo luật tạo ra hành lang pháp lý cho các trường đại học và thư viện của chúng phát triển. Từ năm 1940 trở đi, chính giới Mỹ đã nhận thức sâu sắc vai trò to lớn của khoa học và giáo dục đối với sự phát triển của đất nước. Những tham vọng to lớn có tính chất toàn cầu, những thách thức mà nước Mỹ phải đối mặt trong suốt lịch sử thế giới hiện đại buộc nó phải gồng mình lên và chọn con đường chiếm lĩnh và sử dụng hiệu quả những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai, của cuộc cách mạng thông tin và nền kinh tế tri thức. Nước Mỹ đầu tư rất lớn cho giáo dục, nhất là giáo dục bậc cao. Nhà nước có hàng loạt các đạo luật tạo cả hành lang pháp lý và nguồn tài chính, tạo điều kiện thuận lợi chưa từng có cho sự phát triển giáo dục, trong đó có phát triển thư viện đại học. Vốn có cơ sở xã hội hóa sâu rộng, khi có sự đầu tư mang tầm chiến lược của Nhà nước, thư viện đại học Mỹ đã có một bước phát triển có tính cách mạng trên tất cả các phương diện của sự nghiệp thư viện đại học, trở thành một hệ thống thư viện đại học đồ sộ và hiện đại nhất trên thế giới. Hiếm thấy ở một cư dân nào mà tính xã hội hóa trong lĩnh vực phát triển thư viện lại sâu rộng bằng ở cư dân Mỹ, nhưng chỉ khi có sự vào cuộc và quyết tâm cao của nhà nước, nói cách khác là chỉ khi phát triển thư viện đại học trở thành vấn đề có tầm vóc chính trị, thì hệ thống này mới có được thành tựu như ngày nay.

4. Kinh nghiệm thứ tư là về óc thực tiễn của người Mỹ trong lịch sử xây dựng và phát triển thư viện đại học. Tính thực tiễn vốn có trong tính cách Mỹ, thể hiện ở mọi

lĩnh vực của đời sống xã hội. Mọi đặc trưng lịch sử của dân tộc Mỹ đều bị chi phối bởi tính cách này. Đối với mỗi người Mỹ, vì không có chỗ dựa truyền thống nào ngoài kết quả hoạt động của bản thân mình để cứu lấy mình, nên không có chỗ cho những ảo mộng, những toan tính không có tính hiện thực. Họ bắt buộc phải đối diện với tình trạng “tồn tại hay không tồn tại”, nên muốn sống được thì phải giành cho kỳ được những nhu cầu của cuộc sống. Đối với từng người, trạng thái “cuộc đấu tranh của tất cả chống lại tất cả” là trạng thái khá gần gũi. Chính vì vậy mà tư tưởng của John Locke (1632-1704) được đa số người Mỹ chia sẻ. Đặc tính này vốn không phải là xấu. Nó chỉ trở nên xấu ở hình thái tha hóa cực đoan của nó là chủ nghĩa thực dụng, một thứ chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, chỉ coi lợi ích cá nhân của mình là chân lý và cố đạt được bất chấp bằng phương tiện gì.

Óc thực tiễn, luôn luôn lấy hiệu quả làm thước đo công việc và con người, làm mục tiêu chi phối quá trình tìm kiếm cách thức hoạt động. Trong lĩnh vực thư viện đại học, hiệu quả bao gồm khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng tin xét cả về chủng loại lẫn chất lượng thông tin, khả năng phát triển, biến đổi không ngừng để đáp ứng được những biến đổi của đời sống. Cả hai mục tiêu này đều luôn luôn biến đổi trong hiện thực nền giáo dục đại học Mỹ. Là một bộ phận hữu cơ của hệ thống giáo dục đại học, ở quy mô mỗi trường cũng như ở quy mô nền giáo dục đại học nước Mỹ, thư viện luôn luôn nằm trong trạng thái động. Người Mỹ đã phải liên tục tìm kiếm giải pháp, nguồn lực để phát triển những mô hình và biện pháp quản lý mới mỗi khi xuất hiện những đòi hỏi mới của giáo dục đại học về

mục tiêu, nội dung và nhất là phương thức đào tạo. Chỉ xét riêng về mặt nghiệp vụ, đã có thể thấy những cải tiến dần dần ngay trong giai đoạn trước năm 1876. Những kinh nghiệm tích lũy được trong giai đoạn này đã dẫn đến bước ngoặt về chất của lĩnh vực nghiệp vụ, với các đại biểu xuất sắc như Dewey, Wilson,... Những biện pháp tìm nguồn tài chính, những bước phát triển của liên thông thư viện, những đổi thay to lớn của hoạt động thư viện đại học Mỹ trong thời đại CNTT,... việc chuyển trọng tâm của công tác thư viện, lấy người dùng tin làm trung tâm,... tất cả đều thấm đậm tinh thần thực tiễn trong sự nghiệp phát triển thư viện đại học Mỹ. Có thể coi đây là một bài học cơ bản, được duy trì trong suốt quá trình lịch sử thư viện đại học Mỹ, góp phần quyết định vào sự thành công của nó.

5. Kinh nghiệm áp dụng CNTT vào hoạt động thư viện cũng được các nhà nghiên cứu coi là một thành công. CNTT đã tạo ra một giá đỡ công nghệ tuyệt vời, tạo nên bước ngoặt có tính cách mạng cho hoạt động thư viện đại học Mỹ. Những khả năng to lớn mà CNTT mang lại làm cho công tác thư viện thay đổi sâu sắc và toàn diện, đến mức toàn bộ di sản truyền thống của nghề thư viện đã bị lung lay, mặc dù còn lâu mới bị xóa bỏ. Sách, quy mô vật lý truyền thống của thông tin có thể được thu nhỏ tới hàng triệu lần, thậm chí nghề xuất bản cũng có những đổi thay dưới dạng xuất bản điện tử. CNTT được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực quản lý nguồn tài nguyên thông tin, thao tác mượn và trả sách, hoạt động bổ sung, biên mục, thư mục, tra cứu, các sản phẩm và dịch vụ thông tin nâng cao,... Quan trọng hơn cả là việc CNTT tạo ra bước phát triển vượt bậc cho hoạt động liên

thông thư viện, một trạng thái tiêu biểu cho tính hiện đại và ý nghĩa xã hội to lớn của hệ thống thư viện đại học Mỹ, gắn liền với một mô thức hoạt động có tính hiện đại khác, là hoạt động chuẩn hóa.

6. Kinh nghiệm về chuẩn hóa và liên thông thư viện có ý nghĩa rất đặc biệt trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay. Chuẩn hóa mọi hoạt động là một phương thức hoạt động có tính hiện đại. Đó là phong cách của những dân tộc công nghiệp, có khả năng dẫn dắt những hình thức hoạt động phức tạp, có nhiều nội dung, diễn ra ở những môi trường hoạt động khác nhau nhưng lại có chung một mục đích, như hoạt động của thư viện đại học. Những khía cạnh cần phải được chuẩn hóa của hoạt động thư viện đại học khá phong phú như quy mô bộ sưu tập, những tiêu chuẩn về quy trình và phương pháp nghiệp vụ, trình độ xử lý kỹ thuật, cơ sở vật chất trang thiết bị, trình độ học vấn và chuyên môn của cán bộ, tỷ lệ nhân viên có nghiệp vụ,... Tất cả đều nhằm phát triển tầm vóc của thư viện đại học và nâng cao tính hiệu quả của hoạt động thư viện trong sự nghiệp giáo dục chung. Tham khảo những tiêu chuẩn nhằm chuẩn hóa thư viện đại học, chúng ta sẽ thấy nó rất cụ thể, không “đao to búa lớn” mà giản dị, đời thường và rất thực tế.

Liên thông thư viện có thể coi là bài học thực tiễn thành công nhất trong giai đoạn hiện đại của lịch sử thư viện đại học Mỹ. Việc áp dụng CNTT là cơ sở vô cùng quan trọng cho liên thông thư viện. CNTT càng phát triển thì hiệu quả của liên thông càng lớn. Nhờ sự phát triển của liên thông thư viện, sức mạnh, tiềm năng của cả hệ thống thư viện đại học Mỹ được nhân lên nhiều lần. Cộng đồng những người dùng tin là

những người được hưởng lợi ích đầu tiên, và trọng tâm của công tác thư viện cũng có nhiều thay đổi. Hoạt động liên thông cho phép ngay cả những thư viện nghèo cũng có thể đáp ứng đòi hỏi cao cả về số lượng và chất lượng thông tin. Vì thế, vấn đề chủ yếu không còn là mỗi thư viện phải nhất thiết có một sưu tập lớn, mà là hiệu quả của liên thông, làm cho người dùng tin ở thư viện của mình có khả năng tiếp cận với những thông tin ở mọi nơi. Nhìn về mặt xu hướng phát triển, phải thừa nhận rằng hoạt động liên thông có giá trị như một cuộc cách mạng trong lĩnh vực thư viện. Xét về mặt lý thuyết, nó đem lại khả năng làm cho mỗi người có thể sở hữu lượng tri thức toàn nhân loại đã đạt tới trong lĩnh vực mà người đó quan tâm.

7. Kinh nghiệm về đổi mới công tác tổ chức, quản lý

Trong sự thành công của thư viện đại học Mỹ có phần đóng góp quan trọng của những tìm tòi trong lĩnh vực quản lý. Nó cũng được chi phối bởi nguyên lý hiệu quả. Người Mỹ ưa thay đổi, không cam chịu đứng lại ở một trạng thái nào quá lâu, luôn không thỏa mãn với những gì đã có. Những mô hình quản lý có tính chất quan liêu mang lại hiệu quả trong giai đoạn đầu đã được thay thế dần dần. Các mô hình mới có tính chất linh hoạt và hiệu quả hơn như mô hình đại học, mô hình nhóm đội, mô hình không biên giới,... đã phát huy hiệu quả lớn hơn và đang được nhân rộng.

Không có cái gì hoàn mỹ, hướng hồ là một hiện tượng xã hội và nghiệp vụ phức tạp như hoạt động thư viện đại học. Nhưng chân lý của nhận thức là thành công của hoạt động diễn ra dưới sự chỉ đạo của nhận thức. Thành công của thư viện đại học Mỹ

chúng tỏ những đặc trưng, những kinh nghiệm mà lịch sử hình thành và phát triển của nó mang lại là rất có giá trị. Việc vận dụng những bài học này là rất cần thiết đối với sự nghiệp phát triển thư viện đại học Việt Nam, nhưng cũng phải vận dụng một cách phù hợp thực tiễn, tức là trên cơ sở các điều kiện kinh tế, xã hội và thực trạng của nền giáo dục đại học đất nước ta.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Huy Chương (1993), "Ứng dụng tin học trong các thư viện đại học ở Mỹ", *Tin học và đời sống* (3+4), tr. 51-52.
2. Nguyễn Huy Chương (1999), "Thư viện Đại học Mỹ - một số cái cách chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo", *Tạp chí Khoa học-Khoa học Xã hội* LXV (4), tr. 1-6.
3. Nguyễn Huy Chương (2003), *Một số vấn đề về nội dung công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo thư viện ở Mỹ và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ thư viện-thông tin, Hà Nội.
4. Nguyễn Huy Chương (2005), *Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống thông tin - thư viện đại học Mỹ và định hướng vận dụng một số kinh nghiệm vào thư viện đại học Việt Nam*. Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Budd John (1998), *The Academic Library*, Libraries Unlimited, Inc., Colorado.
6. DeVinney Gemma (1986), "Academic Librarians and Academic Freedom in the United States: A history and analysis", *Libri Vol* 36 (1), pp. 24-39.
7. Hamlin Arthur T. (1981), *The University Library in the United States: its origins and development*, Philadelphia University of Pennsylvania Press
8. Jones Jr., Plummer Alston (1989), "The History and Development of Libraries in American Higher Education", *College & Research Libraries News* Vol. 5 (7), pp. 561-564.
9. Kent Allen, Lancour Harold (1971), "College Libraries", *Encyclopedia of Library and Information Science*, Volume 5 pp. 269-281.
10. Shores Louis (1935), *Origins of the American College Library, 1638-1800*
11. The History of Academic Library in the United State <http://www.webpages.uidaho.edu/~mbolin/weiner.htm>
12. Weiner Sharon Gray (2005), "The History of Academic Libraries in the United States: a Review of the Literature", *Library Philosophy and Practice* Vol. 7 (2)